



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 27 tháng 4 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch
	Ông Phạm Xuân Trình	Thành viên (từ ngày 24/4/2021)
	Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên (từ ngày 24/4/2021)
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Miêng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành
	Ông Vũ Ngọc Tuấn	Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký	43 Tô Hiệu Phường Ngô Quyền Thành phố Nam Định Tỉnh Nam Định Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Nam Định, ngày 30 tháng 3 năm 2022

GT
MH
M
M



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 30-03-2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 56.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và các công ty con liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trích lập quỹ lương dự phòng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 trong số dự phải trả người lao động và dự phòng phải trả ngắn hạn có lần lượt 15 tỷ VND và 7 tỷ VND là khoản Tổng Công ty và các công ty con trích dự phòng tiền lương để trả cho nhân viên cho kỳ sau. Tuy nhiên, việc ghi nhận dự phòng tiền lương này trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty và các công ty con là chưa phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, do Tổng Công ty và các công ty con chưa phát sinh nghĩa vụ nợ hiện tại với người lao động tại thời điểm báo cáo. Vì vậy, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, phải trả người lao động đang bị ghi nhận thừa 15 tỷ VND, dự phòng phải trả ngắn hạn đang bị ghi nhận thừa 7 tỷ VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước đang bị ghi nhận thiếu 4,4 tỷ VND và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đang bị ghi nhận thiếu 17,6 tỷ VND. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, chi phí quản lý doanh nghiệp đang bị ghi nhận thừa 22 tỷ VND, thuế thu nhập doanh nghiệp đang bị ghi nhận thiếu 4,4 tỷ VND và lợi nhuận sau thuế đang bị ghi nhận thiếu 17,6 tỷ VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00231-22-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3064-2019-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		510.829.099.932	399.041.479.712
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	45.642.476.829	19.298.315.675
Tiền	111		45.642.476.829	19.298.315.675
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.500.000.000	5.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	16.500.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		202.503.106.420	209.498.756.648
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	201.657.857.172	202.645.779.157
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.241.666.004	6.033.512.761
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	3.000.000.000	6.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	4.043.281.519	4.464.623.090
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(12.439.698.275)	(10.145.158.360)
Hàng tồn kho	140	11	241.208.440.359	157.800.774.971
Hàng tồn kho	141		241.808.096.656	159.072.818.763
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(599.656.297)	(1.272.043.792)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.975.076.324	7.443.632.418
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	3.020.035.558	3.005.975.098
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.921.891.104	4.317.831.379
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19(a)	33.149.662	119.825.941



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		673.096.267.531	729.302.873.152
Các khoản phải thu dài hạn	210		695.980.960	7.461.807.506
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	3.895.980.960	9.461.807.506
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(3.200.000.000)	(2.000.000.000)
Tài sản cố định	220		590.500.072.400	642.835.533.531
Tài sản cố định hữu hình	221	12	582.863.594.233	632.558.201.240
<i>Nguyên giá</i>	222		1.219.183.782.453	1.218.133.283.417
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(636.320.188.220)	(585.575.082.177)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	7.384.478.167	9.962.332.291
<i>Nguyên giá</i>	225		14.580.151.169	14.580.151.169
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(7.195.673.002)	(4.617.818.878)
Tài sản cố định vô hình	227		252.000.000	315.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		660.000.000	698.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(408.000.000)	(383.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	14	7.294.026.578	8.059.395.189
<i>Nguyên giá</i>	231		17.955.138.931	17.955.138.931
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(10.661.112.353)	(9.895.743.742)
Tài sản dở dang dài hạn	240		18.480.307.484	18.461.496.771
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	18.480.307.484	18.461.496.771
Đầu tư tài chính dài hạn	250		48.492.185.374	43.476.056.838
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	42.743.630.374	37.727.501.838
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	254	6(a)	4.400.000.000	4.400.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		7.633.694.735	9.008.583.317
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	7.404.782.896	8.790.942.477
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	228.911.839	217.640.840
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.183.925.367.463	1.128.344.352.864

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		896.724.323.057	923.626.902.661
Nợ ngắn hạn	310		527.573.518.595	489.969.027.362
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	186.567.747.875	77.505.517.154
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.187.674.678	2.767.110.620
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(b)	2.839.136.194	1.473.518.475
Phải trả người lao động	314		40.779.451.985	13.526.604.721
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.740.302.117	2.784.561.968
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	1.140.957.074	1.876.334.882
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	1.901.377.471	5.118.936.060
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23(a)	276.488.857.817	382.935.401.653
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6.718.077.194	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	1.209.936.190	1.981.041.829
Nợ dài hạn	330		369.150.804.462	433.657.875.299
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	9.723.602.417	10.251.747.659
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	3.831.923.822	6.331.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23(b)	355.595.278.223	416.789.635.790
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	-	284.568.028
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		287.201.044.406	204.717.450.203
Vốn chủ sở hữu	410	25	287.201.044.406	204.717.450.203
Vốn cổ phần	411	26	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(12.175.488)	(12.175.488)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	68.047.855.709	68.047.855.709
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	421		70.169.960.203	(11.359.713.615)
- Lỗ lũy kế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(12.563.751.288)	(12.056.188.656)
- LNST năm nay	421b		82.733.711.491	696.475.041
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12.995.403.982	12.041.483.597
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.183.925.367.463	1.128.344.352.864

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Phương Linh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.450.869.481.531	1.128.375.454.129
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	1.256.683.508.936	1.044.115.218.206
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		194.185.972.595	84.260.235.923
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	26.189.943.879	19.721.464.533
Chi phí tài chính	22	32	48.152.366.335	65.811.694.762
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		39.191.025.861	53.955.571.087
Phần lãi trong công ty liên kết	24	6(b)	10.766.128.536	10.575.313.929
Chi phí bán hàng	25	33	20.725.208.687	11.753.732.832
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	66.723.892.111	34.902.439.016
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		95.540.577.877	2.089.147.775
Thu nhập khác	31		1.706.416.933	1.099.676.947
Chi phí khác	32		179.390.312	1.109.222.232
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.527.026.621	(9.545.285)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		97.067.604.498	2.079.602.490
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	13.471.731.042	463.807.058
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	36	(295.839.027)	106.352.056
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		83.891.712.483	1.509.443.376

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)			83.891.712.483	1.509.443.376
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		82.733.711.491	696.475.041
Cổ đông không kiểm soát	62		1.158.000.992	812.968.335
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	6.083	51

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Phương Linh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	97.067.604.498	2.079.602.490
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	66.964.333.600	66.965.058.647
Các khoản dự phòng	03	9.540.229.614	(300.756.481)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.138.139.190	(3.700.319.172)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.609.104.957)	(11.569.686.071)
Chi phí lãi vay	06	39.191.025.861	53.955.571.087
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	199.292.227.806	107.429.470.500
Biến động các khoản phải thu	09	8.810.348.104	4.301.803.980
Biến động hàng tồn kho	10	(82.735.277.893)	57.782.016.120
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	141.291.059.602	(98.003.713.597)
Biến động chi phí trả trước	12	2.980.433.333	885.000.599
		269.638.790.952	72.394.577.602
Tiền lãi vay đã trả	14	(41.067.558.108)	(51.445.049.224)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.524.073.425)	(1.142.822.325)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(937.868.000)	(741.468.591)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	215.109.291.419	19.065.237.462
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(19.262.237.158)	(4.934.207.312)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	351.189.337	557.233.455
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(16.400.000.000)	(2.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi có kỳ hạn	24	8.400.000.000	5.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	8.228.185.942	515.486.194
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.682.861.879)	(861.487.663)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.032.257.004.876	974.937.017.729
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.200.604.677.605)	(1.009.509.162.023)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.119.301.586)	(2.145.827.424)
Tiền trả cổ tức	36	(598.296.000)	(223.558.272)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(171.065.270.315)	(36.941.529.990)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	25.361.159.225	(18.737.780.191)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	19.298.315.675	38.393.001.380
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	983.001.929	(356.905.514)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	45.642.476.829	19.298.315.675

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; và
- Kinh doanh máy tính và thiết bị văn phòng, phần mềm máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính và thiết bị văn phòng khác bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và làm đại lý bu chính viễn thông.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con là năm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có các công ty con và các công ty liên kết sau:

STT	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết		
		31/12/2021	1/1/2021	
Công ty con				
1	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định	Sản xuất và mua bán bông, sợi, vải, sợi, quần áo, vật tư và nguyên phụ liệu ngành dệt may.	52,52%	52,52%
2	Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	Sản xuất, mua bán chăn, vải, sợi, len, sản phẩm từ sợi len và quần áo may sẵn.	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh các loại khăn, quần áo, vải và sợi.	62,58%	62,58%
4	Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	53,46%	53,46%
Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	36,00%	36,00%
2	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu hoặc đi thuê.	36,92%	36,92%
3	Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	36,00%	36,00%
4	Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	Sản xuất sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.	45,97%	45,97%

Các công ty con và các công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty và các công ty con có 1.626 nhân viên (1/1/2021: 1.740 nhân viên).



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

20
NG
HIỆ
PI
LIỆ

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty và các công ty con có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
--------------------------	------------

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trả trước của hợp đồng thuê đất.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí thuê máy móc và thiết bị

Chi phí thuê máy móc và thiết bị gồm tiền thuê máy móc trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng máy móc thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê máy móc và thiết bị.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty và các công ty con sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

2-C
TY
HỮU
IG
1-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty và các công ty con chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Trong năm, Tổng Công ty và các công ty con không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty được lập theo lĩnh vực kinh doanh và mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Tổng Công ty được lập theo khu vực địa lý.

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vị trí của khách hàng. Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong năm trước.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh như sau:

Năm 2021	Vải		Thành phẩm may mặc		Kinh doanh bất động sản		Các bộ phận khác		Loại trừ nội bộ		Tổng cộng	
	Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	965.121.031	118.831.745	297.811.426	-	69.105.280	-	-	-	-	-	-	1.450.869.482
Doanh thu giữa các bộ phận	71.742	5.419.788	1.650.076	-	25.354.537	-	(32.496.143)	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	965.192.773	124.251.533	299.461.502	-	94.459.817	(32.496.143)	1.450.869.482	-	-	-	-	1.450.869.482
Kết quả kinh doanh của bộ phận	102.555.870	48.811.635	11.189.241	-	31.629.227	-	194.185.973	-	-	-	-	194.185.973
Chi phí không phân bổ												(87.449.101)
Doanh thu tài chính												26.189.944
Chi phí tài chính												(48.152.366)
Phần lãi trong công ty liên kết												10.766.128
Kết quả hoạt động khác												1.527.026
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp												(13.175.892)
Lợi nhuận thuần sau thuế												83.891.712

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2020	Vài	Sợi	Thành phẩm	Kinh doanh	Các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	may mặc	bất động sản	khác	nội bộ	Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	735.441.718	124.383.009	231.614.978	-	36.935.749	-	1.128.375.454
Doanh thu giữa các bộ phận	-	46.894.156	28.811.875	-	29.582.070	(105.288.101)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	735.441.718	171.277.165	260.426.853	-	66.517.819	(105.288.101)	1.128.375.454
Kết quả kinh doanh của bộ phận	9.443.170	8.607.982	44.668.276	-	21.540.808	-	84.260.236
Chi phí không phân bổ							(46.656.173)
Doanh thu tài chính							19.721.465
Chi phí tài chính							(65.811.695)
Phần lãi trong công ty liên kết				8.364.231	2.211.083		10.575.314
Kết quả hoạt động khác							(9.545)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(570.159)
Lợi nhuận thuần sau thuế							1.509.443

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Kinh doanh bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Tài sản của bộ phận	36.576.755	284.130.256	88.154.486	-	27.806.768	436.668.265
Khoản đầu tư vào công ty liên kết				20.454.496		42.743.630
Tài sản không phân bổ						704.513.472
Tổng tài sản						1.183.925.367
Tổng nợ phải trả						896.724.323
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020						
Tài sản của bộ phận	87.236.197	218.183.044	31.687.338	-	19.228.330	356.334.909
Khoản đầu tư vào công ty liên kết				17.423.166		37.727.502
Tài sản không phân bổ						734.281.942
Tổng tài sản						1.128.344.353
Tổng nợ phải trả						923.626.903

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2021	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Kinh doanh bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Chi tiêu vốn của bộ phận	6.926.742	891.696	2.149.097	-	677.894	10.645.429
Chi tiêu vốn không phân bổ						8.616.809
Khấu hao tài sản cố định	39.748.630	5.116.935	12.332.442	-	4.727.951	61.925.958
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ						5.038.376

Năm 2020	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Kinh doanh bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Chi tiêu vốn của bộ phận	2.959.579	500.545	932.069	-	148.626	4.540.819
Chi tiêu vốn không phân bổ						393.388
Khấu hao tài sản cố định	11.909.465	2.014.212	3.750.685	-	1.443.577	19.117.939
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ						47.847.120



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Việt Nam;
- Trung Quốc; và
- Các vùng địa lý khác

Năm 2021

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Doanh thu thuần của bộ phận	771.087.565	660.238.765	19.543.152	1.450.869.482
Tài sản của bộ phận	172.821.610	29.264.816	5.813.097	1.183.925.367
- Tài sản của bộ phận phân bổ				207.899.523
- Giá trị còn lại tài sản không phân bổ				976.025.844
Chi tiêu vốn				19.262.238

Năm 2020

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Doanh thu thuần của bộ phận	671.421.790	301.618.859	155.334.805	1.128.375.454
Tài sản của bộ phận	184.036.729	12.736.972	5.872.078	1.128.344.353
- Tài sản của bộ phận phân bổ				202.645.779
- Giá trị còn lại tài sản không phân bổ				925.698.574
Chi tiêu vốn				4.934.207

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	1.104.727.453	1.284.050.788
Tiền gửi ngân hàng	44.537.749.376	18.014.264.887
	<hr/>	<hr/>
	45.642.476.829	19.298.315.675
	<hr/>	<hr/>

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	16.500.000.000	16.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu (ii)	4.400.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

(i) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm dao động từ 4,8% đến 6,4% (1/1/2021: từ 6,2% đến 6,4%).

(ii) Các khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào các năm 2028 và 2029 và hưởng lãi suất năm từ 6,8% đến 7,2% (1/1/2021: từ 6,8% đến 7,2%).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết và đơn vị khác

	31/12/2021				1/1/2021			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công liên kết								
• Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	4.448.866.423	(*)	36,00%	3.909.488.497	(*)	
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	20.454.496.413	(*)	36,92%	17.423.166.243	(*)	
• Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	2.320.708.843	(*)	36,00%	2.056.024.122	(*)	
• Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	45,97%	45,97%	15.519.558.695	(*)	45,97%	14.338.822.976	(*)	
			<u>42.743.630.374</u>			<u>37.727.501.838</u>		

Đơn vị khác	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.348.555.000	2.812.445.700	1.348.555.000	2.866.371.650

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	37.727.501.838	38.163.132.909
Phần lãi trong các công ty liên kết	10.766.128.536	10.575.313.929
Cổ tức nhận được	(5.750.000.000)	(11.010.945.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	42.743.630.374	37.727.501.838

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	103.442.463.756	119.233.824.989
Công ty Cổ phần May I Dệt Nam Định	48.481.573	281.977.811
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	-	48.483.349
Bên khác		
Xiamen ITG Group Corp., Ltd	8.983.499.940	-
China Ctexic Corporation	7.413.155.856	-
Xiamen Haixia Investment Co., Ltd.	-	4.076.351.244
Công ty TNHH Dệt May Phú Cường	3.157.017.578	4.686.453.694
Công ty TNHH Đức Hiếu	-	7.737.710.301
Các khách hàng khác	78.613.238.469	66.580.977.769
	<hr/>	<hr/>
	201.657.857.172	202.645.779.157

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên kết không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất năm là 6,5% (2020: 7,5%) khi quá hạn mà các công ty liên kết này chưa thanh toán.

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh các khoản cho vay cấp cho Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định, một công ty liên kết. Các khoản cho vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm cho vay là 6,5% (2020: 7,5%) một năm.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu Kho bạc Nhà nước (*)	2.448.642.181	-
Cổ tức phải thu từ công ty liên kết	-	1.447.770.000
Phải thu tiền lãi cho vay từ các công ty liên kết	-	36.995.968
Ký cược, ký quỹ	428.132.830	460.132.830
Phải thu các công ty liên kết về tiền đất cho thuê	-	378.482.233
Tạm ứng	53.000.000	201.881.785
Phải thu khác	1.113.506.508	1.939.360.274
	<hr/>	<hr/>
	4.043.281.519	4.464.623.090
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản phải thu từ Kho bạc Nhà nước là tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước liên quan đến hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty. Khoản tiền này bị hạn chế sử dụng do Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo yêu cầu của Kho bạc Tỉnh Nam Định. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 toàn bộ khoản phải thu từ Kho bạc Nhà nước đã được trích lập dự phòng do Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản phải thu này không có khả năng thu hồi.

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	-	476.641.559
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	-	1.062.606.642
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	-	324.000.000
	<hr/>	<hr/>
	-	1.863.248.201
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (i)	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty (ii)	-	5.793.421.544
Phải thu dài hạn khác	695.980.960	468.385.962
	<hr/>	<hr/>
	3.895.980.960	9.461.807.506
	<hr/>	<hr/>

- (i) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích dự phòng.
- (ii) Đây là khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến các chi phí phát sinh từ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định về Khu Công nghiệp Hòa Xá (“Dự án di dời”), bao gồm chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời, chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc liên quan đến Dự án di dời, chi phí sản xuất chạy thử và các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất. Trong năm 2021, Tổng Công ty đánh giá các khoản phải thu này không có khả năng thu hồi, do đó Tổng Công ty đã ghi nhận khoản phải thu này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2021			1/1/2021				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thành Vin	Từ 2 năm đến 3 năm	5.074.999.999	(5.074.999.999)	-	Từ 1 năm đến 2 năm	5.259.999.999	(5.259.999.999)	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-
Các đối tượng khác	-	2.448.642.181	(2.448.642.181)	-	-	-	-	-
Các đối tượng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	366.272.674	(109.881.802)	256.390.872	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.082.286.451	(324.685.935)	757.600.516
Các đối tượng khác	Từ 1 năm đến 2 năm	562.713.148	(281.356.574)	281.356.574	Từ 1 năm đến 2 năm	3.260.117.668	(2.030.058.834)	1.230.058.834
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	4.841.758.354	(4.841.758.354)	-	Trên 3 năm	1.647.354.227	(1.647.354.227)	-
		16.177.445.721	(15.639.698.275)	537.747.446		14.132.817.710	(12.145.158.360)	1.987.659.350
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			(12.439.698.275)				(10.145.158.360)	
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			(3.200.000.000)				(2.000.000.000)	
			(15.639.698.275)				(12.145.158.360)	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	59.231.785.818	-	7.363.780.455	-
Nguyên vật liệu	120.483.741.652	-	83.469.526.328	-
Công cụ và dụng cụ	181.724.245	-	210.938.021	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.363.832.186	-	15.304.680.033	-
Thành phẩm	34.246.117.749	(534.576.917)	50.192.655.129	(1.098.142.454)
Hàng hóa	2.619.502.938	(65.079.380)	2.531.238.797	(173.901.338)
Hàng gửi đi bán	5.681.392.068	-	-	-
	241.808.096.656	(599.656.297)	159.072.818.763	(1.272.043.792)



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	313.577.627.598	2.991.429.071	848.738.523.143	52.825.703.605	1.218.133.283.417
Tăng trong năm	-	41.220.000	355.492.000	6.240.000	402.952.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 15)	6.753.441.932	62.000.000	5.627.139.928	2.627.937.100	15.070.518.960
Thanh lý	(1.699.684.437)	(137.053.810)	(10.532.471.296)	(323.538.546)	(12.692.748.089)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 16(b))	-	-	(1.730.223.835)	-	(1.730.223.835)
Số dư cuối năm	318.631.385.093	2.957.595.261	842.458.459.940	55.136.342.159	1.219.183.782.453
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	94.048.794.296	1.955.431.453	466.719.708.483	22.851.147.945	585.575.082.177
Khấu hao trong năm	15.876.725.209	154.115.263	42.633.477.256	4.821.260.541	63.485.578.269
Thanh lý	(1.699.684.437)	(137.053.810)	(10.530.838.406)	(323.538.546)	(12.691.115.199)
Khác	(77.181.580)	-	27.824.553	-	(49.357.027)
Số dư cuối năm	108.148.653.488	1.972.492.906	498.850.171.886	27.348.869.940	636.320.188.220
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	219.528.833.302	1.035.997.618	382.018.814.660	29.974.555.660	632.558.201.240
Số dư cuối năm	210.482.731.605	985.102.355	343.608.288.054	27.787.472.219	582.863.594.233

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 322.076 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 281.517 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 491.735 triệu VND (1/1/2021: 555.546 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 23).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	14.580.151.169
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	4.617.818.878
Khấu hao trong năm	2.577.854.124
Số dư cuối năm	7.195.673.002
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	9.962.332.291
Số dư cuối năm	7.384.478.167

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình thuê tài chính với giá trị còn lại là 7.384 triệu VND (1/1/2021: 9.962 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 23(b)(ii)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	17.955.138.931
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	9.895.743.742
Khấu hao trong năm	765.368.611
Số dư cuối năm	10.661.112.353
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	8.059.395.189
Số dư cuối năm	7.294.026.578

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam; và
- Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty và các công ty con không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	18.461.496.771	46.842.686.983
Tăng trong năm	17.960.013.089	7.743.970.439
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	(15.070.518.960)	(33.246.670.251)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(66.500.000)	(237.017.955)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 16(b))	(2.082.973.777)	(2.641.472.445)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(721.209.639)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	18.480.307.484	18.461.496.771

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá	12.944.252.512	13.079.345.579
Dự án Nhà máy May Yên Bình	5.013.367.135	5.013.367.135
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	114.506.019	35.855.784
Các công trình khác	408.181.818	332.928.273
	<hr/>	<hr/>
	18.480.307.484	18.461.496.771



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công cụ và dụng cụ	124.298.425	689.620.462
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.895.737.133	2.316.354.636
	3.020.035.558	3.005.975.098

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê máy móc và thiết bị VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.930.723.451	6.417.601.134	332.353.752	110.264.140	8.790.942.477
Tăng trong năm	-	6.150.467.365	-	514.208.606	6.664.675.971
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	-	1.730.223.835	-	-	1.730.223.835
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 15)	-	2.082.973.777	-	-	2.082.973.777
Chuyển sang ngắn hạn	-	(597.398.751)	-	-	(597.398.751)
Phân bổ trong năm	(72.532.596)	(10.812.469.031)	(122.308.008)	(259.324.778)	(11.266.634.413)
Số dư cuối năm	1.858.190.855	4.971.398.329	210.045.744	365.147.968	7.404.782.896

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	93.636.298	105.405.220
Các khoản mục khác	20%	135.275.541	112.235.620
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		228.911.839	217.640.840
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	-	(284.568.028)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định (công ty liên kết)	213.973.100	255.096.222
Bên khác		
Olam International Ltd	27.286.383.189	-
Afcom Trading DMCC	22.270.931.250	10.353.373.780
Viterra B.V.	23.567.057.313	-
Louis Dreyfus Company Suisse SA	16.012.073.130	-
Ecom Commodities Pty Ltd	15.631.727.990	-
Henan Tongzhou Cotton Industry Co., Ltd	14.825.114.579	-
Ecom USA LLC	14.063.622.108	-
Devcot S.A	10.862.653.682	7.381.238.385
CAM Negoce, Division Cotton	-	7.585.559.661
Công ty CP Xây dựng BYD Việt Nam	-	4.051.733.169
Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Đạt	-	4.867.152.942
Các nhà cung cấp khác	41.834.211.534	43.011.362.995
Tổng phải trả người bán ngắn hạn		77.505.517.154

Khoản phải trả thương mại các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong thời gian từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã thu/bù trừ trong năm VND	Chuyển sang phải trả VND	31/12/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.019.633	-	-	(34.432.371)	28.587.262
Thuế thu nhập cá nhân	189.065	-	(189.065)	-	-
Thuế đất	32.996.853	-	(32.996.853)	-	-
Các loại thuế khác	23.620.390	(8.412.390)	(10.645.600)	-	4.562.400
	119.825.941	(8.412.390)	(43.831.518)	(34.432.371)	33.149.662

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	Chuyển từ phải thu VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	731.146.602	71.928.379.232	(71.469.981.049)	-	1.189.544.785
Thuế nhập khẩu	-	673.524.948	(673.524.948)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	717.147.135	13.471.731.042	(12.524.073.425)	(34.432.371)	1.630.372.381
Thuế thu nhập cá nhân	12.719.711	129.256.361	(133.882.977)	-	8.093.095
Thuế tài nguyên	12.505.027	301.790.932	(303.170.026)	-	11.125.933
Tiền thuế đất	-	7.458.365.441	(7.458.365.441)	-	-
Các loại thuế khác	-	71.825.451	(71.825.451)	-	-
	1.473.518.475	94.034.873.407	(92.634.823.317)	(34.432.371)	2.839.136.194

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.105.384.169	1.529.035.571
Chi phí điện, nước phải trả	1.126.826.847	732.891.372
Chi phí khác	508.091.101	522.635.025
	<hr/>	<hr/>
	2.740.302.117	2.784.561.968
	<hr/>	<hr/>

21. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn là doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư.

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	595.863.435	892.259.261
Cổ tức phải trả	886.306.250	1.316.227.250
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	189.610.995	2.490.463.413
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	229.596.791	419.986.136
	<hr/>	<hr/>
	1.901.377.471	5.118.936.060
	<hr/>	<hr/>

(*) Chi phí lãi vay phải trả công ty mẹ không được đảm bảo và phải trả khi được yêu cầu.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty (*)	3.712.500.000	6.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	<hr/>	<hr/>
	3.831.923.822	6.331.923.822
	<hr/>	<hr/>

(*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (công ty liên kết) cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2021		Biến động trong năm		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	339.951.179.864	1.032.880.050.953	(1.111.712.058.977)	605.974.868	261.725.146.708	
Vay dài hạn đến hạn trả	40.864.920.203	12.634.645.717	(40.864.920.203)	-	12.634.645.717	
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong 12 tháng	2.119.301.586	2.129.065.392	(2.119.301.586)	-	2.129.065.392	
	382.935.401.653	1.047.643.762.062	(1.154.696.280.766)	605.974.868	276.488.857.817	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	3,3% - 4,1%	75.767.548.731	48.572.054.548
Vay ngân hàng 2	VND	6,5% - 7,2%	10.153.159.973	122.626.548.577
Vay ngân hàng 3	USD	4,4%	15.177.228.596	15.845.625.892
Vay ngân hàng 4	VND	6%-6,5%	44.936.382.390	50.231.923.418
Vay ngân hàng 5	VND	6,4%-7,5%	340.167.364	59.281.460.357
Vay ngân hàng 6	USD	3,4%	-	1.902.978.640
Vay ngân hàng 7	USD	3,8% - 4%	54.609.565.783	34.316.820.883
Vay ngân hàng 8	USD	2,88%	45.349.137.660	-
Vay cá nhân	VND	2,4% - 7%	15.391.956.211	7.173.767.549
			261.725.146.708	339.951.179.864

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con với giá trị còn lại là 66.127 triệu VND (1/1/2021: 77.170 triệu VND).

Các khoản vay cá nhân không được đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn (i)	364.696.259.671	451.933.843.544
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	5.662.729.661	7.840.014.035
	370.358.989.332	459.773.857.579
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(14.763.711.109)	(42.984.221.789)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	355.595.278.223	416.789.635.790

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7%	2023	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	130.393.830.448	134.255.276.720
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 9(***)	USD	4,5% - 5,5%	2024	90.651.531.608	135.225.612.965
Vay từ ngân hàng 10 (***)	VND	11,0%	2023	53.950.138.307	79.247.843.491
Vay từ ngân hàng 11	USD	5,5%-7,7%	2024	9.519.691.203	19.552.506.726
Vay từ ngân hàng 12	VND	6,5%	2026	5.731.679.497	9.203.215.034
Vay cá nhân (*)	VND	9,6%	2024	9.450.000.000	9.450.000.000
				364.696.259.671	451.933.843.544

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 121.136 triệu VND (1/1/2021: 132.409 triệu VND).

(***) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 261.707 triệu VND (1/1/2021: 283.078 triệu VND).

Các khoản vay ngân hàng còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 42.765 triệu VND (1/1/2021: 62.889 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong một năm	2.413.530.793	284.465.401	2.129.065.392	305.790.357
Trong hai đến năm năm	3.705.633.993	171.969.724	3.533.664.269	360.170.208
	6.119.164.786	456.435.125	5.662.729.661	665.960.565
			8.505.974.600	7.840.014.035

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, trong nợ thuế tài chính có số nợ gốc ngoại tệ xấp xỉ 154.352 USD (1/1/2021: 246.570 USD).

Khoản vay nợ thuế tài chính này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình thuế tài chính có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 7.384 triệu VND (1/1/2021: 9.962 triệu VND) (Thuyết minh 13).



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.981.041.829	2.520.278.732
Trích lập trong năm	166.762.361	202.231.688
Sử dụng trong năm	(937.868.000)	(741.468.591)
Số dư cuối năm	1.209.936.190	1.981.041.829

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	136.000.000.000	(12.175.488)	67.934.144.087	(11.862.335.395)	10.792.978.465	202.852.611.669
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	696.475.041	812.968.335	1.509.443.376
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(146.283.759)	(55.947.929)	(202.231.688)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	113.711.622	(60.731.430)	(52.980.192)	-
Cổ tức	-	-	-	-	544.464.918	544.464.918
Biến động khác	-	-	-	13.161.928	-	13.161.928
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	136.000.000.000	(12.175.488)	68.047.855.709	(11.359.713.615)	12.041.483.597	204.717.450.203
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	82.767.660.474	1.158.000.992	83.925.661.466
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(131.056.754)	(35.705.607)	(166.762.361)
Cổ tức	-	-	-	-	(168.375.000)	(168.375.000)
Biến động khác	-	-	-	(1.072.980.919)	-	(1.072.980.919)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	136.000.000.000	(12.175.488)	68.047.855.709	70.203.909.186	12.995.403.982	287.234.993.389

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	31/12/2021 và 1/1/2021		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn cổ phần VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	7.299.700	53,67	72.997.000.000
Bà Trung Thị Nga	719.000	5,29	7.190.000.000
Các cổ đông khác	5.581.300	41,04	55.813.000.000
	13.600.000	100,00	136.000.000.000

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	51.055.013.167	53.006.160.167
	60.810.748.167	62.761.895.167

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	837.618	18.955.051.495	74.938	1.706.560.016
EUR	450	11.281.457	450	12.279.459
		18.966.332.952		1.718.839.475

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.311.299.391.344	888.645.827.122
▪ Cung cấp dịch vụ	89.301.562.057	64.982.638.304
▪ Dịch vụ gia công	40.944.195.932	160.165.954.484
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	9.324.332.198	14.509.960.695
▪ Doanh thu khác	-	71.073.524
	1.450.869.481.531	1.128.375.454.129

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2021 VND	2020 VND
Hàng hóa và thành phẩm đã bán	1.133.866.269.164	839.864.374.549
Dịch vụ đã cung ứng	16.028.522.526	42.381.405.535
Dịch vụ gia công	102.488.273.552	155.938.138.908
Bất động sản đầu tư cho thuê	4.972.831.189	11.933.381.172
Giá vốn khác	-	38.738.448
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(672.387.495)	(6.040.820.406)
	<hr/> 1.256.683.508.936	<hr/> 1.044.115.218.206 <hr/>

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	651.244.522	514.982.162
Khoản hỗ trợ nhận được từ công ty liên kết	2.500.000.000	-
Lãi do người mua chậm trả	3.853.974.131	4.448.702.421
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.842.549.774	10.828.260.778
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.700.319.172
Lãi trái phiếu	342.175.452	213.000.000
Doanh thu khác	-	16.200.000
	<hr/> 26.189.943.879	<hr/> 19.721.464.533 <hr/>

32. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	39.191.025.861	53.955.571.087
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.823.201.284	11.855.268.601
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.138.139.190	-
Chi phí tài chính khác	-	855.074
	<hr/> 48.152.366.335	<hr/> 65.811.694.762 <hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí bán hàng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí vận chuyển	12.161.691.027	7.338.616.299
Chi phí lương nhân viên	143.728.594	-
Chi phí đại lý bán hàng	3.051.740.144	2.179.161.708
Chi phí xuất khẩu	2.852.450.705	1.795.524.541
Chi phí bán hàng khác	2.515.598.217	440.430.284
	<hr/> 20.725.208.687	<hr/> 11.753.732.832 <hr/>

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lương nhân viên	46.358.528.407	13.823.567.056
Dự phòng phải thu khó đòi	3.494.539.915	5.980.801.194
Chi phí phân bổ trả trước	1.335.652.100	2.084.379.789
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.591.872.877	2.723.819.683
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.943.298.812	10.289.871.294
	<hr/> 66.723.892.111	<hr/> 34.902.439.016 <hr/>

35. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	806.089.833.736	627.244.738.436
Chi phí nhân công	197.337.513.671	156.676.345.579
Chi phí khấu hao và phân bổ	66.964.333.600	66.965.058.647
Chi phí dịch vụ mua ngoài	216.553.033.785	78.981.843.051
Chi phí khác	45.300.509.715	52.653.069.958
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	13.471.731.042	463.807.058
(Lợi ích)/ chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(295.839.027)	106.352.056
	13.175.892.015	570.159.114

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	97.067.604.498	2.079.602.490
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	19.413.520.900	415.920.498
Chi phí không được khấu trừ thuế	87.447.840	1.974.857.283
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau khác nhau áp dụng cho các công ty con	(137.491.610)	-
Thu nhập không bị tính thuế	(500.000.000)	42.600.000
Ảnh hưởng của phần lãi được chia từ các công ty liên kết	(2.153.225.707)	(2.115.062.786)
Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế (*)	-	3.825.242.584
Điều chỉnh thuế các năm trước theo hướng dẫn tại Nghị định 132 (*)	-	(2.524.739.151)
Lợi ích của chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế trong các năm trước được phép mang sang theo Nghị định 132 (**)	(3.226.934.256)	-
Thuế trích thừa trong các năm trước	(13.161.928)	-
Thuế được giảm	-	(168.287.587)
Phải trả thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(294.263.224)	(880.371.727)
	13.175.892.015	570.159.114

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế là số chi phí lãi vay trong năm vượt quá 30% tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) và chi phí khấu hao phát sinh trong năm, do đó không được tính là chi phí khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 132”). Theo Nghị định 132, các khoản chi phí lãi vay này được chuyển sang kỳ tính thuế sau và thời hạn được chuyển tiếp không quá 5 năm liên tục kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi phí lãi vay năm 2019 và 2020 với số tiền lần lượt là 18.180 triệu VND và 18.245 triệu VND được mang sang tối đa đến năm 2024 và 2025.
- (**) Trong năm 2021, Tổng Công ty đã ghi nhận một khoản lợi ích với số tiền 16.135 triệu VND từ chi phí lãi vay không được khấu trừ của các năm trước theo hướng dẫn của Nghị định 132. Theo đó, chi phí lãi vay năm 2019 và năm 2020 lần lượt là 2.045 triệu VND và 18.245 triệu VND được mang sang tối đa đến năm 2024 và 2025.

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 82.733.711.491 VND (2020: lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 696.475.041 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 13.600.000 cổ phiếu (2020: 13.600.000 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 2021, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm 2020 và 2021 tương ứng có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm 2020 và 2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.667.020.370	406.705.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	29.671.104.270	39.920.000
Hoàn trả khoản vay	2.510.556.811	-
Chi phí lãi vay	4.549.957.195	4.874.698.227
Lãi phí cho khoản cho vay lại từ nguồn vốn vay		
Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.272.422.631	2.429.551.341
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định		
Cổ tức	-	158.400.000
Bán hàng hóa	1.376.026.495	3.227.710.989
Khoản cho vay	4.920.181.816	6.500.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	8.400.000.000	8.600.000.000
Thu nhập lãi vay	326.662.274	348.049.059
Thu nhập lãi trả chậm	-	137.291.666
Mua hàng	-	34.093.674
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Cổ tức	5.750.000.000	-
Nhận hỗ trợ	2.500.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định		
Cổ tức	-	334.000.000
Cung cấp dịch vụ	2.029.192.996	2.512.978.428
Đầu tư vào công ty liên kết	-	13.972.200
Mua hàng hóa	80.024.788	-
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định		
Cổ tức	-	628.545.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	166.631.225.970	207.928.040.320
Mua hàng hóa	82.327.920.695	2.244.224.776
Thu nhập lãi trả chậm	3.853.974.131	4.311.410.755

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	2021	2020
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Thù lao		
Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch	58.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Văn Miêng – Thành viên	32.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Thành viên	32.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên	32.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh – Thành viên	32.000.000	24.000.000
Ông Phạm Xuân Trình – Thành viên	24.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên	24.000.000	-
Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban Giám đốc		
Lương thưởng		
Ông Nguyễn Văn Miêng – Tổng Giám đốc	257.725.329	202.626.036
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Phó Tổng Giám đốc	23.425.000	4.062.317
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc	236.155.482	179.765.351
Bà Nguyễn Thị Khánh – Phó Tổng Giám đốc	23.425.000	4.062.317
Bà Bùi Minh Hạnh – Giám đốc Điều hành	187.172.229	51.599.306
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Giám đốc Điều hành	217.250.501	166.371.167
Ban Kiểm soát		
Thù lao		
Bà Trần Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát	24.000.000	-
Ông Đoàn Văn Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát	22.000.000	18.000.000
Bà Đặng Thanh Huyền – Thành viên Ban Kiểm soát	26.000.000	6.000.000
Bà Đỗ Thị Thơ – Thành viên Ban Kiểm soát	10.000.000	12.000.000

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2021	2020
	VND	VND
Bù trừ khoản phải trả với khoản hỗ trợ phải thu	2.500.000.000	3.000.000.000
Lãi vay và phí nhập gốc vay	847.971.573	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

